TÒA ÁN NHÂN DÂN H. HÒA VANG **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số **06 /2022**/HNGĐ-ST
Ngày: **17/02/2022**
V/v: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA VANG, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Hồng Hải
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Tấn Bôn
Bà Lê Thị Phước Oanh

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Vũ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên toà: Ông Lê Anh Pha - Kiểm sát viên.

Ngày 17/02/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 104/2021/TLST-HNGĐ ngày 21/10/2021 về việc tranh chấp *"Ly hôn, nuôi con chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 142/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 31/12/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2022/QĐST-HNGĐ ngày 12/01/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2022/QĐST-HNGĐ ngày 21/01/2022, giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:** Bà **Phùng Thị Bích N**, sinh năm 1993; Địa chỉ: Tổ 02, thôn L, xã H, huyện H, thành phố Đ. Có mặt.

***Bị đơn:** Ông **Đinh Ngọc T**, sinh năm 1986; Địa chỉ: Tổ 02, thôn L, xã H, huyện H, thành phố Đ. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên toà, nguyên đơn – Bà Phùng Thị Bích N trình bày:* Tôi (N) và ông Đinh N T xây dựng gia đình với nhau vào năm 2015, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có thời gian tìm hiểu và có đăng ký tại UBND xã Hòa Châu, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại tổ 02, thôn La Châu Bắc, xã Hòa Khương, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng. Vợ chồng chung sống với nhau một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do quan điểm sống, tính tình không hợp, vợ chồng không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi vả, ông T thường xuyên nhậu nhẹt, chửi bới, không tôn trọng và coi thường gia đình vợ, không chăm lo xây dựng hạnh phúc gia đình và lo cho con cái. Tình cảm vợ chồng ngày càng trở nên lạnh nhạt, cuộc sống vợ chồng không thể kéo dài. Mặc dù tôi cũng đã tìm mọi

cách để níu kéo hạnh phúc nhưng vẫn không mang lại kết quả. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay mỗi người mỗi nơi. Nay tôi xác định về tình cảm tôi không còn thương yêu ông T nữa, yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết cho tôi được ly hôn với ông Đinh Ngọc T.

- Về con chung: Tôi và ông Đinh Ngọc T có 01 con chung là Đinh Ngọc Q, sinh ngày 16/11/2016 hiện nay đang ở cùng với tôi. Ly hôn, tôi có yêu cầu và nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con Đinh Ngọc Q cho đến khi con đủ 18 tuổi. Ông Đinh Ngọc T phải cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng (một triệu đồng) cho đến khi con đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại bản tự khai, quá trình tố tụng, bị đơn - Ông Đinh Ngọc T trình bày:*

Tôi xác định về thời gian, điều kiện đăng ký kết hôn như lời trình bày của bà Phùng Thị Bích N là đúng. Sau khi kết hôn tôi và bà N về chung sống tại nhà cha mẹ tôi tại tổ 02, thôn La Châu Bắc, xã Hòa Khương, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng. Trong thời gian chung sống, giữa tôi và bà N có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, thường xuyên cải vã nhau. Thiếu tôn trọng lẫn nhau. Giữa tôi và bà N cũng đã tìm mọi cách để khắc phục mâu thuẫn nhưng vẫn không được cải thiện, bà N đã dẫn con về nhà cha mẹ mình để sinh sống từ năm 2020 cho đến nay mỗi người mỗi nơi không ai có trách nhiệm với ai trong cuộc sống. Nay về tình cảm tôi xác định không còn yêu thương bà N nữa. Bà N yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết ly hôn thì tôi đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống, tôi và bà Phùng Thị Bích N có 01 con chung là Đinh N Quốc, sinh ngày 16/11/2016. Ly hôn tôi đồng ý và thống nhất giao con cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Tôi không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án, việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án là tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Đề nghị HĐXX: Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của bà Phùng Thị Bích N đối với ông Đinh Ngọc T. Về quan hệ

hôn nhân: Xử bà Phùng Thị Bích N được ly hôn ông Đinh Ngọc T. Về con chung: Giao con Đinh Ngọc Quốc cho bà Phùng Thị Bích N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Ông Đinh Ngọc T không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Phùng Thị Bích N và ông Định Ngọc T không yêu cầu nên đề nghị HĐXX không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Xét về thủ tục tố tụng:* Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang nhận được đơn khởi kiện của bà Phùng Thị Bích N về việc yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn đối với ông Đinh Ngọc T; địa chỉ: Tổ 02, thôn La Châu Bắc, xã Hòa Khương, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng. Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang đã thụ lý giải quyết vụ án là đúng theo trình tự tố tụng và thẩm quyền giải quyết vụ án được quy định tại Điều 191, Điều 195 và khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, bà Phùng Thị Bích N rút 01 phần yêu cầu khởi kiện về việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Tại phiên tòa, ông Đinh Ngọc T vắng mặt không có lý do nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự nên HĐXX vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] *Xét về nội dung:* Bà Phùng Thị Bích N và ông Đinh Ngọc T xây dựng gia đình với nhau vào năm 2015, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có thời gian tìm hiểu và có đăng ký tại UBND xã Hòa Châu, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng (số 103/2015, quyển số 01/2014 ngày 30/12/2014). Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau tại nhà cha mẹ ông T tại tổ 02, thôn La Châu Bắc, xã Hòa Khương, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng. Vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do quan điểm sống, tính tình không hợp, vợ chồng không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi vả, ông T thường xuyên nhậu nhẹt, chửi bới, không tôn trọng và coi thường gia đình vợ, không chăm lo xây dựng hạnh phúc gia đình và chăm sóc cho con. Mặc dù bà N cũng đã nhiều lần khuyên nhũ nhưng mâu thuẫn vợ chồng vẫn không được cải thiện mà ngày càng trở nên trầm trọng, bà N đã đưa con về nhà cha mẹ đẻ mình sinh sống từ năm 2020 đến nay mỗi người mỗi nơi không ai có trách nhiệm với ai trong cuộc sống. Bà N xác định về tình cảm không còn thương yêu ông Đinh Ngọc T nữa, yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết cho bà được ly hôn với ông Đinh Ngọc T.

Xét yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Phùng Thị Bích N đối với ông Đinh Ngọc T, HĐXX thấy rằng: Trong thời gian chung sống giữa vợ chồng bà N và

ông T đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng về quan điểm sống, tính tình không hợp nên bà N và ông T thường xuyên xảy ra cải vã nhau, ông T có những lời lẻ xúc phạm bà N. Mặc dù bà N và ông T đã cố gắng níu kéo tình cảm nhưng không đạt được kết quả. Hiện tại, bà N và ông T đã sống ly thân với nhau từ năm 2020 cho đến nay, vợ chồng không còn yêu thương quý trọng quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Tại biên bản xác minh ngày 07/12/2021 của Tòa án thì bà Phùng Thị Bích N, sinh năm 1993 và ông Đinh Ngọc T, sinh năm 1986 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn La Châu Bắc, xã Hòa Khương, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng. Trong quá trình chung sống giữa bà N và ông T đã có xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên cãi vả nhau, ông Đinh Ngọc T không có trách nhiệm cũng như không chăm lo cuộc sống cho vợ con. Bà Phùng Thị Bích N đã dẫn con về nhà mẹ đẻ sống khoảng 02 năm nay. Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông T đều vắng mặt không có lý do, điều đó thể hiện ông T cũng không muốn hàn gắn lại lại tình cảm với bà N. Mặt khác tại phiên tòa, bà N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn. Do đó, HĐXX xét thấy tình trạng hôn nhân của vợ chồng bà N, ông T đã thực sự trầm trọng, mục đích của hôn nhân của ông bà không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, nên HĐXX thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà N đối với ông T là phù hợp với Luật hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung*: Bà N và ông T xác định trong thời gian chung sống vợ chồng có 01 con chung là Đinh Ngọc Q, sinh ngày 16/11/2016. Ly hôn, bà N và ông T thống nhất thỏa thuận giao con cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi. Ông T đồng ý giao con chung Đinh Ngọc Q cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng nhưng không cấp dưỡng nuôi con. Xét yêu cầu của bà N và ông T, HĐXX thấy hiện nay cháu Q đang sinh sống với mẹ. Vì vậy để không làm xáo trộn đến tâm lý cũng như ảnh hưởng đến việc chăm sóc, học hành của cháu thấy cần tiếp tục giao cháu Q cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng là hợp lý.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung:* Bà Phùng Thị Bích N và ông Đinh Ngọc T đều xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không đề cập đến.

[5] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, bà Phùng Thị Bích N phải chịu theo quy định của pháp luật.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về nội dung là có căn cứ nên HĐXX chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Các Điều 227, Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Tuyên xử:

1.Về quan hệ hôn nhân: Bà Phùng Thị Bích N được ly hôn ông Đinh Ngọc T.

2.Về con chung: Giao con Đinh Ngọc Q, sinh ngày 16/11/2016 cho bà Phùng Thị Bích N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Ông Đinh Ngọc T không phải cấp dưỡng nuôi. Bên không nuôi con vẫn được thực hiện mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

3.Về tài sản chung, nợ chung: không có và không yêu cầu giải quyết.

4.Án phí: Bà Phùng Thị Bích N phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004040 ngày 21/10/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

Án xử công khai sơ thẩm, báo cho nguyên đơn biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết nơi cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Hồng Hải

Nơi nhận:
- *Đương sự (theo địa chỉ);*
- *VKSND h.Hòa Vang;*
- *UBND xã Hòa Khương;*
- *Chi cục THADS h. Hòa Vang;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC THÀNH VIÊN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**